

Bản án số: 15 /2018/HSPT

Ngày: 19-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Phong

Các Thẩm phán: Ông Bùi Văn Bình

Ông Nguyễn Viết Hùng

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hình sự phúc thẩm thụ lý số: 07/2018/TLPT - HS ngày 25 tháng 01 năm 2017 đối với bị cáo Nguyễn Thành N do có kháng cáo của người bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2017/HSST ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

Bị cáo bị kháng cáo:

Nguyễn Thành N, sinh năm: 1987, tại Đắk Lắk

Nơi cư trú: Thôn Đ 3, xã Đ, huyện S, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: phật giáo; con ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị Minh T; có vợ và 02 con; Tiền án, Tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/5/2017 cho đến nay. (Có mặt)

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn Ninh – Văn phòng luật sư Xuân Ninh thuộc đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

- Người đại diện hợp pháp cho bị hại Trần Thị Q:

1. A Kim Văn T; Sinh năm 1984 (Có mặt)

Địa chỉ: Khu H, T.Tr Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

2. Cháu Kim Thiên Trúc A; Sinh ngày 01/4/2011.

Địa chỉ: Khu H, T.Tr Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Người đại diện hợp pháp của cháu A: Anh Kim Văn T

- Người đại diện cho gia đình bị hại Trần Thị N1:

1. Ông Trần Đình L, sinh năm 1961.

2. Bà Nguyễn Thị N2, sinh năm: 1962 (Có mặt)

Cùng Địa chỉ: Thôn Y, xã Q, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh.

Ông L ủy quyền cho bà N2 tham gia tố tụng

- Bị đơn dân sự: Ông Nguyễn Võ T, sinh năm 1985. (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp gia đình người bị hại Trần Thị N1 và Trần Thị Q: Ông Hoàng Minh Quang – Đoàn Luật sư tỉnh Bình Phước.

Ngoài ra trong vụ án còn có người có quyền lợi N1 vụ liên quan nhưng không có kháng cáo, không bị Viện kiểm sát kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thành N có giấy phép lái xe hạng C do Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Nông cấp ngày 27/6/2014. Khoảng 16 giờ ngày 13/5/2017, Nguyễn Thành N điều khiển xe ô tô tải biển số: 77K-96XX cùng Lê Văn Nguyên từ tỉnh Đắk Nông về hướng TX. Đồng Xoài, khi đến Km 917 + 800, QL14 thuộc thôn 3, xã Minh Hưng, huyện Bù Đăng, N phát hiện phía trước đầu xe có một xe mô tô (không rõ biển số) chạy lấn sang phần đường dành cho xe ô tô để vượt lên bên trái một xe mô tô khác (không rõ biển số) đi cùng chiều. Do bị bất ngờ và khoảng cách quá gần nên N phanh gấp đồng thời đánh tay lái sang bên trái. Do trời mưa, mặt đường trơn, trượt nên xe ô tô do N điều khiển bị lết bánh và quay tròn theo chiều kim đồng hồ lấn sang phần đường bên trái, đuôi xe tải va chạm với cột bê tông ven đường rồi va chạm với xe mô tô biển số 93F5-45XX do chị Trần Thị Q điều khiển chở phía sau là chị Trần Thị N1 đang đi ngược chiều theo hướng từ TX. Đồng Xoài về tỉnh Đắk Nông làm xe mô tô biển số 93F5 – 45XX ngã trên mặt đường, còn chị Q và chị N1 ngã văng xuống đường mương thoát nước.

Hậu quả: Tai nạn làm chị Trần Thị Q và Trần Thị N1 tử vong tại chỗ, hư hỏng 01 xe ô tô và 01 xe mô tô.

Tại Bản kết luận giám định số: 181/2017/GĐPY ngày 15/5/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Phước kết luận: Trần Thị Q bị ngoại lực tác động gây chấn thương ngực bụng kín gây giập vỡ đa phủ tạng dẫn đến tử vong; Trần Thị N1, sinh năm: 1998 bị ngoại lực tác động gây chấn thương vỡ xương sọ dẫn đến tử vong.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số: 47/KL- ĐG ngày 14/6/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng huyện Bù Đăng xác định xe ô tô hiệu HuynDai, biển số: 77K – 9664 bị thiệt hại 1.900.000 đồng; xe mô tô biển số: 93F5- 4552 bị thiệt hại: 1.785.000đ, tổng giá trị tài sản bị thiệt hại là 3.685.000đ.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 115/2017/HSST ngày 14/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành N** phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Về hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 202, điểm b, p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 47 của Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thành N 02 (Hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2017.

[2]. Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 42 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Áp dụng Điều 584; 591; 601 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc bị đơn dân sự anh Nguyễn Võ T bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Trần Thị N1 là bà Nguyễn Thị N2 ông Trần Đình L số tiền 137.300.000đ, trừ số tiền gia đình bị cáo và anh T đã bồi thường trước là 50.000.000đ. anh Nguyễn Võ T tiếp tục bồi thường số tiền 87.300.000đ (Tám mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) cho đại diện gia đình bị hại bà Nguyễn Thị N2 ông Trần Đình Lý.

Buộc bị đơn dân sự anh Nguyễn Võ T bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Trần Thị Quý là anh Kim Văn T số tiền 168.185.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) trừ số tiền gia đình bị cáo N và anh T đã bồi thường trước là 50.000.000đ. anh Nguyễn Võ T tiếp tục bồi thường số tiền 118.185.000 (Một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) và tiền cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thiên Trúc A; sinh ngày 01/4/2011 mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi cháu A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ ngày quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về vật chứng vụ án, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 26/12/2017 bị cáo Nguyễn Thành N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 18/12/2017 người đại diện người của bị hại Trần Thị N1 bà Nguyễn Thị N2 có đơn kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt và yêu cầu bị cáo phải liên đới với bị đơn dân sự bồi thường cho người bị hại.

Ngày 19/12/2017 người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị Q có đơn kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt và yêu cầu bị cáo phải liên đới với bị đơn dân sự bồi thường cho người bị hại. Yêu cầu cấp dưỡng 1.800.000 đồng/tháng.

Ngày 15/01/2017 bị đơn dân sự Nguyễn Võ T có đơn kháng cáo yêu cầu bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho gia đình bị hại.

Tại phiên tòa: Bị cáo Nguyễn Thành N rút kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện hợp pháp của bị hại A Kim Văn T và bà Nguyễn Thị N2 rút yêu cầu kháng cáo về tăng hình phạt cũng như buộc bị cáo Nguyễn Thành N phải liên đới bồi thường thiệt hại cho đại diện hợp pháp của bị hại.

Bị đơn dân sự Nguyễn Võ T rút kháng cáo về việc yêu cầu bị cáo liên đới bồi thường cho người bị hại.

Bị cáo Nguyễn Thành N, Người đại diện hợp pháp của người bị hại A Kim Văn T và bị đơn dân sự Nguyễn Võ T thống nhất việc cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thiên Trúc A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Trong đó bị cáo N 1.500.000 đồng, bị đơn dân sự 500.000 đồng) đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận việc rút kháng cáo của bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại và bị đơn dân sự. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các yêu cầu kháng cáo này.

Đối với trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và bị đơn dân sự về cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thiên Trúc A con của người bị hại Trần Thị Q.

Quan điểm của người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Thành N: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát và bị cáo.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp gia đình người bị hại Trần Thị N1 và Trần Thị Q: Thống nhất quan điểm của đại diện hợp pháp của người bị hại.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; căn cứ vào kết quả trả lời tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và của các bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được trả lời tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện Bù Đăng, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Tại phiên tòa bị cáo N rút toàn bộ nội dung yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Kim Văn T và bà Nguyễn Thị N2 rút kháng cáo yêu cầu tăng nặng hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Thành N. Xét thấy, việc rút kháng cáo là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật cần chấp nhận việc rút yêu cầu kháng cáo của bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại. Đình chỉ xét xử phúc thẩm với các yêu cầu kháng cáo trên.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của người bị hại anh Kim Văn T và bà Nguyễn Thị N2, bị đơn dân sự Nguyễn Võ T rút toàn bộ nội dung kháng cáo yêu cầu bị cáo N phải liên đới với bị đơn dân sự bồi thường thiệt hại cho gia đình người bị hại nên hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo này. Tuy nhiên, tại phiên tòa bị cáo N, bị đơn dân sự T thống nhất trong số tiền 100 triệu đồng mà bị đơn dân sự Nguyễn Võ T đã khắc phục cho mỗi gia đình bị hại 50 triệu đồng thì có 75 triệu đồng của bị cáo còn 25 triệu đồng của bị đơn dân sự bỏ ra, nhưng Tòa cấp sơ thẩm không xem xét nên phần quyết định bản án không nêu số tiền 75 triệu đồng này, đây là thiếu sót của cấp sơ thẩm cần nêu rõ tại phần quyết định phúc thẩm cho phù hợp.

Đối với kháng cáo yêu cầu tăng tiền cấp dưỡng của người đại diện hợp pháp của bị hại Kim Văn T: Tại phiên tòa Bị cáo Nguyễn Thành N, Người đại diện hợp pháp của người bị hại A Kim Văn T và bị đơn dân sự Nguyễn Võ T thống nhất việc cấp dưỡng nuôi cháu Kim Thiên Trúc A mỗi tháng 2.000.000 đồng (Trong đó bị cáo N 1.500.000 đồng/tháng, bị đơn dân sự 500.000 đồng/tháng) đến khi

cháu Trúc A đủ 18 tuổi. Xét thấy, việc thỏa thuận là phù hợp pháp luật, không trái đạo đức xã hội, cần công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Thị Q là anh Kim Văn T và bị đơn dân sự Nguyễn Võ T nên kháng cáo của anh Kim Văn T về phần này được chấp nhận. Xét thời gian cấp dưỡng Tòa cấp sơ thẩm tuyên thời gian cấp dưỡng kể từ ngày Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực là không đúng. Căn cứ điểm a, Tiểu mục 2.3, mục 2, Chương 2 Nghị quyết 03/2006/NQ - HĐTP ngày 08/7/2006 quy định Thời điểm cấp dưỡng được xác định kể từ thời điểm tính mạng bị xâm phạm. Như vậy, thời điểm cấp dưỡng cho cháu Kim Thiên Trúc A được tính từ ngày 13/5/2017 đến khi cháu Trúc A đủ 18 tuổi mới phù hợp quy định pháp luật.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa: Là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm người bào chữa cho bị cáo: Phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người đại diện hợp pháp của bị hại Trần Thị N1 và Trần Thị Q phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại và bị đơn dân sự không phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm và án phí cấp dưỡng: Bị cáo, bị đơn dân sự phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm về tội danh, xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Áp dụng khoản 1 Điều 342, Điều 348, điểm đ khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thành N

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo tăng nặng hình phạt của người đại diện hợp pháp của bị hại A Kim Văn T và bà Nguyễn Thị N2.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo buộc bị cáo phải liên đới bồi thường trách nhiệm dân sự của người đại diện hợp pháp của bị hại A Kim Văn T và bà Nguyễn Thị N2, bị đơn dân sự A Nguyễn Võ T.

Chấp nhận một phần kháng cáo yêu cầu tăng tiền cấp dưỡng cho cháu Kim Thiên Trúc A của người đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Thị Q A Kim Văn T.

[2] Về trách nhiệm dân sự:

- Áp dụng Điều 47 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 584; 591; 601 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 03/2006 ngày 08/7/2006 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao:

Buộc bị đơn dân sự anh Nguyễn Võ T bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Trần Thị N1 là bà Nguyễn Thị N2 ông Trần Đình Lý số tiền 137.300.000đ,

trừ số tiền gia đình bị cáo và anh T đã bồi thường trước là 50.000.000đ. anh Nguyễn Võ T tiếp tục bồi thường số tiền 87.300.000 đồng (Tám mươi bảy triệu ba trăm nghìn đồng) cho đại diện gia đình bị hại bà Nguyễn Thị N2 ông Trần Đình Lý.

Buộc bị đơn dân sự anh Nguyễn Võ T bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Trần Thị Quý là anh Kim Văn T số tiền 168.185.000đ (Một trăm sáu mươi tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng) trừ số tiền gia đình bị cáo N và anh T đã bồi thường trước là 50.000.000 đồng. anh Nguyễn Võ T tiếp tục bồi thường số tiền 118.185.000 (Một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi lăm nghìn đồng). Đối với số tiền 75.000.000 đồng mà gia đình bị cáo Nguyễn Thành N bỏ ra để khắc phục hậu quả chung với bị đơn dân sự sẽ được giải quyết khi có yêu cầu.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo Nguyễn Thành N, người đại diện hợp pháp của người bị hại Trần Thị Q là anh Kim Văn T và bị đơn dân sự Nguyễn Võ T. Cụ thể như sau: Tiền cấp dưỡng cho cháu Kim Thiên Trúc A mỗi tháng là 2.000.000 đồng (trong đó bị cáo có trách nhiệm cấp dưỡng 1.500.000 đồng/tháng, Bị đơn dân sự có trách nhiệm cấp dưỡng 500.000 đồng/tháng) đến khi cháu Kim Thiên Trúc A đủ 18 tuổi. Phương thức cấp dưỡng hàng tháng, thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 13/5/2017.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại, bị đơn dân sự không phải chịu tiền án phí hình sự phúc thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn dân sự phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng và 10.274.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

- Công an huyện Bù Đăng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu.

Lê Viết Phong